

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Biên dịch (22431103)

Ngày thi: 24/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A501

D: 28
H: 3

Số SV có mặt: 21.

Số bài thi:21...

Số tờ giấy thi: 21.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Thị
Thị Huyền

Đ.T. Thủy

Phạm Thị Thu

Nguyễn Thị Phương Linh

C.Linh

11/3

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	07/11/2003	CCQ2224F	1	Trâm	7,4	7,1	7,2	
2	2122240139	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/01/2004	CCQ2224E	1	Ánh	8,0	6,0	6,8	
3	2122240166	Trần Quang Bình	30/04/2003	CCQ2224E	1	Bình	4,3	7,5	6,2	
4	2122240184	Lê Thị Mỹ Đào	18/10/2004	CCQ2224F			0,0			
5	2122240085	Nguyễn Thị Hồng Diễm	01/09/2004	CCQ2224C	1	Diễm	7,3	5,7	6,3	
6	2122240181	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	05/01/2004	CCQ2224F	1	Diễm	8,0	6,9	7,3	
7	2121110047	Dương Nguyễn Anh Dũng	22/09/2003	CCQ2124F	1	Dũng	5,4	9,3	7,7	
8	2122240175	Lê Thị Thu Hà	19/01/2004	CCQ2224F	1	Hà	7,3	6,3	6,7	
9	2122240141	Nguyễn Thị Thu Hà	23/02/2004	CCQ2224E	1	Hà	8,5	7,6	8,0	
10	2122240096	Phạm Thị Thu Hà	31/07/2004	CCQ2224D	1	Hà	4,8	6,0	5,5	
11	2122240150	Nguyễn Hoàng Gia Hân	13/11/2004	CCQ2224E			0,0			
12	2122240182	Thân Ngọc Hân	08/01/2004	CCQ2224F	1	Hân	8,1	9,1	8,7	
13	2122240113	Trương Hoàng Hào	05/04/2004	CCQ2224D			1,7			
14	2122240164	Phạm Gia Kỳ Hương	27/06/2004	CCQ2224E	1	Hương	5,8	5,7	5,7	
15	2122240052	Lê Công Huy	26/06/1999	CCQ2224B	1	Huy	5,8	8,5	7,4	
16	2122240133	Lâm Trung Kiên	17/10/2004	CCQ2224E	1	Kiên	3,6	7,3	5,8	
17	2122240165	Lê Diễm Kiều	04/10/2004	CCQ2224E	1	Kiều	6,8	4,4	5,4	
18	2120240239	Nguyễn Chúc Linh	30/04/2002	CCQ2024H	1	Linh	5,6	0,2	2,4	
19	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc Loan	29/05/2004	CCQ2224E			0,0			
20	2122240140	Võ Thị Mỹ Ngọc	13/12/2004	CCQ2224E	1	Ngọc	8,0	7,3	7,6	
21	2122240137	Hoàng Thị Thùy Nhi	26/08/2004	CCQ2224E	1	Nhi	5,0	0,7	2,4	
22	2122240062	Ông Thị Thiên Nhi	04/10/2004	CCQ2224B	1	Nhi	7,1	4,1	5,3	
23	2122240190	Lê Hoàng Như	20/12/2004	CCQ2224F	1	Như	8,2	9,0	8,7	
24	2120240195	Trần Cao Quỳnh Như	25/01/2000	CCQ2024G			2,7			
25	2120240196	Biện Anh Phương	06/01/2002	CCQ2024G			4,8			
26	2122240194	Phạm Kim Phương	19/09/2004	CCQ2224F			0,0			
27	2122240121	Trần Đặng Mai Phương	11/10/2002	CCQ2224E	1	Phương	7,0	5,1	5,9	
28	2122240066	Vũ Thu Phương	23/01/2003	CCQ2224C	1	Phương	6,6	4,3	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch (22431103)

Ngày thi: 24/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A501

Số SV có mặt: 31..

Số bài thi:3.1...

Số tờ giấy thi: 3.1..

Nguyễn Văn Hùng

Đ.T. Thủy

Phạm Chí Cường

Nguyễn Thị Phương Linh

C.Linh

118

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122240156	Đỗ Anh Quốc	16/10/2002	CCQ2224B			0,0			
30	2122240167	Nguyễn Lâm Như	Quỳnh	26/09/2004	CCQ2224E	1 <i>th</i>	6,8	6,8	6,8	
31	2120100351	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/05/2002	CCQ2024H	1 <i>Quỳnh</i>	6,9	5,0	5,8	
32	2122240179	Trần Lệ	Quỳnh	10/12/2004	CCQ2224F	1 <i>Trần Lệ</i>	7,5	7,7	7,6	
33	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/06/2005	CCQ2324E	1 <i>Trần Ngọc</i>	5,2	9,2	7,6	
34	2122240103	Phan Vũ	Thành	20/12/2004	CCQ2224D	1 <i>Phan Vũ</i>	6,2	4,5	5,2	
35	2122240009	Đỗ Thị	Thảo	09/03/2000	CCQ2224A	1 <i>Đỗ Thị</i>	6,8	7,4	7,2	
36	2122240138	Hồ Phương	Thảo	01/11/2002	CCQ2224E	1 <i>Thảo</i>	7,5	8,3	8,0	
37	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	03/03/2002	CCQ2024G	1 <i>Anh</i>	5,3	2,6	3,7	
38	2122240145	Phạm Yến	Vy	05/10/2003	CCQ2224E	1 <i>Vy</i>	7,8	5,3	6,3	
39	2122240196	Hoàng Thị	Yên	17/10/2004	CCQ2224F	1 <i>Yên</i>	7,8	4,2	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 10
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch (22431104)

Ngày thi: 24/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

118

C. Linh

Trần Huỳnh Phúc
Nguyễn Nhật Huy

Phạm Thị Bích

Nguyễn Thị Bích

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240126	Võ Thị Lan Anh	23/06/2003	CCQ2224LA	1	Lan	9,4	9,5	9,5	
2	2122240154	Trần Huỳnh Phúc	08/10/2004	CCQ2224LA	1	Phúc	7,4	9,2	8,5	
3	2122240125	Trần Nguyễn Nhật Huy	23/02/2004	CCQ2224LA	1	Huy	8,5	8,6	8,6	
4	2122240122	Đoàn Trần Gia Khang	07/10/1999	CCQ2224LA	1	Khang	8,4	8,7	8,6	
5	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật Lam	06/12/2004	CCQ2224LA	1	Lam	8,6	6,7	7,5	
6	2122240123	Lê Xuân Phương Linh	10/01/2004	CCQ2224LA	1	Linh	8,2	3,4	5,3	
7	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà My	10/08/2004	CCQ2224LA	1	My	7,9	9,3	8,7	
8	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương Như	08/11/2004	CCQ2224LA	1	Như	8,1	9,7	9,1	
9	2122240083	Trương Hữu Quốc	08/10/2002	CCQ2224LA	1	Quốc	9,0	8,4	8,6	
10	2122240124	Huỳnh Thị Bích Vy	26/12/2003	CCQ2224LA	1	Vy	8,6	4,9	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Biên dịch (22431101)

Ngày thi: 24/04/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 22...

Số bài thi: 22...

Số tờ giấy thi: 22...

Cán bộ coi thi 1: Cán bộ coi thi 2: G.Viên chấm thi 1: G.Viên chấm thi 2:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121110334	Trần Thanh Bình	05/08/2003	CCQ2124F	01		1,6	87	59	
2	2122240031	Lê Thị Thùy Dung	01/10/2001	CCQ2224A	01		8,8	7.5	80	
3	2122240042	Trần Thị Mỹ Duyên	20/01/2004	CCQ2224B	01		5,0	50	50	
4	2121240059	Lê Thị Giang	10/02/2003	CCQ2124B	01		7,0	2.2	4.1	
5	2120240066	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/2002	CCQ2024C			4,3			
6	2122240017	Trần Ngọc Hân	04/03/2004	CCQ2224A	01		7,1	6.4	67	
7	2122240109	Lê Thùy Mỹ Hậu	15/09/2004	CCQ2224D	01		6,7	4.8	5.6	
8	2120240154	Nguyễn Thị Thanh Hòa	13/06/2002	CCQ2024F	01		7,3	0.7	3.3	
9	2122240186	Lê Đỗ Quốc Hùng	04/04/2004	CCQ2224F	01		9,5	8.6	90	
10	2120240192	Lâm Thị Hương	30/03/2002	CCQ2024G			0,0			
11	2122240202	Trần Thị Hường	08/03/2002	CCQ2224D	01		9,4	67	7.8	
12	2122240174	Hà Thanh Huyền	10/08/2004	CCQ2224F	01		8,7	9.5	9.2	
13	2122240176	Huỳnh Quốc Khải	02/08/2004	CCQ2224F	01		8,0	6.3	7.0	
14	2121240079	Trương Tân Khoa	14/09/2002	CCQ2124C	01		8,2	60	69	
15	2122240011	Trần Thị Luyến	25/08/2004	CCQ2224A	01		8,4	6.6	7.3	
16	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A	01		6,7	0.7	3.1	
17	2122240189	Ngô Thị Cẩm Ly	20/12/2003	CCQ2224F	01		7,2	5.6	6.2	
18	2122240032	Vũ Thị Ngọc Mai	01/01/2004	CCQ2224A	01		8,2	65	7.2	
19	2122240067	Võ Thị Ánh Nga	25/01/2004	CCQ2224C	01		7,8	45	5.8	
20	2121240037	Lý Thị Ngân	12/03/2003	CCQ2124B	01		7,3	46	5.7	
21	2122240022	Phạm Thị Yến Nhi	08/08/2004	CCQ2224A	01		3,9	26	3.1	
22	2122240024	Nguyễn Tú Như	20/01/2004	CCQ2224A	01		5,8	24	3.8	
23	2120240016	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/07/2002	CCQ2024A	01		6,5	2.9	4.3	
24	2121240011	Võ Thị Bích Phượng	25/02/2003	CCQ2124A	01		6,9	3.3	4.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

120

Đ. 23
H. 01

Cán bộ coi thi 1: Lê P. Tiến
Cán bộ coi thi 2: Phan Thị Thu
G. Viên chấm thi 1: Nguyễn Thị Phương
G. Viên chấm thi 2: Phan Thị Thu

Môn học: Biên dịch (22431101)
Ngày thi: 24/04/2024
Giờ thi: 9g45
Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240086	Nông Thị Hồng	Quyên	24/10/2000	CCQ2224C	01	9,5	9,1	9,3	
2	2120240075	Kiều Nữ Diễm	Quỳnh	08/07/2002	CCQ2024C	01	7,0	26	44	
3	2122240162	Lưu Trúc	Quỳnh	10/01/2004	CCQ2224C	01	7,9	5,9	6,7	
4	2122240053	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo	28/10/2004	CCQ2224B	01	6,7	6,2	6,4	
5	2122240023	Nguyễn Trần Ngọc	Thảo	22/12/2004	CCQ2224A	01	9,0	8,5	8,7	
6	2122240178	Phạm Lê Phương	Thảo	13/08/2004	CCQ2224F	01	7,6	6,0	6,6	
7	2122240016	Nguyễn Thanh	Thư	10/12/2004	CCQ2224A	01	9,0	8,5	8,7	
8	2121240007	Võ Lê	Thư	04/01/2003	CCQ2124A	01	6,0	6,2	6,1	
9	2122240039	Chu Thị	Thúy	16/11/1998	CCQ2224B	01	7,4	6,9	7,1	
10	2122240102	Nguyễn Thị	Thùy	02/01/2004	CCQ2224D	01	7,8	7,5	7,6	
11	2122240015	Bùi Thị Kim	Tinh	16/03/2004	CCQ2224A	01	9,5	9,0	9,2	
12	2120240198	Đinh Thị Hoài	Trâm	14/09/2002	CCQ2024G		0,6			
13	2122240084	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	20/01/2004	CCQ2224C	01	7,5	5,1	6,1	
14	2122240035	Hồ Thị Huyền	Trang	24/10/2004	CCQ2224B	01	7,0	5,2	5,9	
15	2122240211	Thân Nguyễn Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224C	01	7,5	5,9	6,5	
16	2121240089	Mai Minh	Trí	01/05/2003	CCQ2124C	01	7,8	7,0	7,3	
17	2122240018	Bùi Thị Ngọc	Tuyến	31/12/2002	CCQ2224A	01	8,2	7,2	7,6	
18	2122240212	Hồ Thị Phương	Uyên	13/06/2004	CCQ2224B	01	7,7	9,0	8,5	
19	2122240054	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	02/12/2004	CCQ2224B	01	6,8	5,5	6,0	
20	2121240045	Nguyễn Kiều	Vân	28/11/2003	CCQ2124B	01	7,1	4,0	5,2	
21	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	01	6,7	5,6	6,0	
22	2122240187	Phạm Thị Thùy	Vân	28/10/2004	CCQ2224F	01	8,7	7,1	7,7	
23	2122240033	Trần Thị Diễm	Vy	20/06/2004	CCQ2224A	01	7,2	4,4	5,5	
24	2122240037	Võ Tường	Vy	31/01/2004	CCQ2224B	01	4,2	8,7	6,9	
25	2121240120	Huỳnh Thị Như	Ý	12/08/2003	CCQ2124D	01	7,6	4,9	6,0	